

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ Y TẾ

Số: 154/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện
trong khám, chữa bệnh tại TTYT huyện Cẩm Giàng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT, ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT, ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng tờ trình số 26/TTr-TTYT ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh và đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH


Điều 1. Phê duyệt 97 kỹ thuật bổ sung vào Danh mục kỹ thuật được triển khai thực hiện trong khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng (có phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng - Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- TTYT huyện Cẩm Giàng;
- Phòng Nghiệp vụ Y;
- Lưu: VP.

lđ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN TÁM

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG

Thực hiện trong khám chữa bệnh tại TTYT huyện Cẩm Giàng
(Ban hành kèm theo Quyết định số. 154/QĐ-SYT ngày 18 tháng 02 năm 2020)

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
XV. TAI - MŨI - HỌNG						
A. TAI - TAI THẦN KINH						
1.	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai	x	x	x	
2.	47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
3.	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
4.	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
5.	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
6.	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
B. MŨI-XOANG						
7.	80	Cắt Polyp mũi	x	x	x	
8.	130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
9.	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
10.	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
11.	133	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	x	x	x	
12.	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x	
13.	135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
14.	136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x	
15.	137	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x	
16.	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
17.	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
18.	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
19.	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
20.	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
21.	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x
C. HỌNG-THANH QUẢN						
22.	153	Nạo VA	x	x	x	
23.	174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	x	x	x	
24.	206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
25.	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x	

26.	209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
27.	210	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x	
28.	211	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
29.	214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
30.	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
31.	216	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	x	x	x	x
32.	217	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	x	x	x	x
33.	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
34.	220	Thay canuyn	x	x	x	
35.	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
		D. ĐẦU CỔ				
36.	300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
37.	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
38.	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
39.	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
40.	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
XVIII. ĐIỆN QUANG						
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy				
41.	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
42.	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
43.	153	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
44.	154	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
45.	155	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
46.	156	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
47.	158	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
48.	159	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
49.	160	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
50.	161	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy				
51.	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
52.	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
53.	193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
54.	194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
55.	197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		

		7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy				
56.	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x	
57.	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
58.	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
59.	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
60.	230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy				
61.	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
62.	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
63.	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
64.	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
65.	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
66.	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
67.	261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
68.	262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
69.	264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
70.	265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG						
71.	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	x	x	x	
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
72.	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
73.	13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
74.	23	Định lượng D-Dimer	x	x		
C. TẾ BÀO HỌC						
75.	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x

XXIII. HÓA SINH						
		A. MÁU				
76.	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x		
77.	24	Định lượng β hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x		
78.	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
79.	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x		
80.	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
81.	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x		
82.	35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x		
83.	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
84.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x	
85.	63	Định lượng Ferritin	x	x		
		B. NƯỚC TIỂU				
86.	189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	x	x		
XXIV. VI SINH						
		A. VI KHUẨN				
87.	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
88.	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	
		4. Neisseria gonorrhoeae				
89.	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
90.	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
91.	94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x	x	x	x
92.	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
93.	119	HBsAg miễn dịch tự động	x	x		
94.	132	HBeAg miễn dịch tự động	x	x		
		4. Dengue virus				
95.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
96.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		D. VI NẤM				
97.	320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x

Tổng cộng: 97 kỹ thuật./.